

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*\*\*

HỢP ĐỒNG VAY TIỀN  
(Số: 000001)

Hợp đồng vay tiền (“Hợp đồng”) này được lập ngày 12/8/2018, giữa các bên sau đây:

**NHÀ ĐẦU TƯ (“BÊN A”) bao gồm:**

STT	Nhà đầu tư	CMT/CCCD

**BÊN VAY TIỀN (“BÊN B”)**

Bên vay tiền	CMT/CCCD	Điểm úy tín
Nguyễn Công Thắng	163145800	69

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ (“ BÊN C”): CÔNG TY CỔ PHẦN FINPLUS**

- Số ĐKKD: 0108098600
- Trụ sở: Tầng 16, tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Đại diện bởi: Ông Ngô Minh Khoa Chức vụ: Giám đốc
- Số Tài khoản: 4242262525252 Mở tại Ngân hàng: Vietcombank
- Chi nhánh: Thanh Xuân Phòng Giao dịch: Nguyễn Trãi

**Bên A và Bên B thống nhất kí kết Hợp đồng này (bao gồm các Điều khoản và Điều kiện vay) thông qua dịch vụ hỗ trợ của Bên C với các nội dung như sau:**

**ĐIỀU 1. TỔNG SỐ TIỀN VAY**

Bên A cho Bên B vay tổng số tiền là: 15.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn)

Chi tiết theo Bảng kê dưới đây:

**ĐIỀU 2. MỤC ĐÍCH VAY**

Theo mục đích của Hợp đồng này, thuật ngữ "Số tiền vay" được hiểu là tổng số tiền mà Bên B cho Bên A vay như quy định tại Điều 1:

Bên B vay "Số tiền vay" nêu tại Điều 1 của Hợp đồng với mục đích sau:

### **Vay sinh viên**

## **ĐIỀU 3. THỜI HẠN VAY**

Thời hạn vay tiền theo Hợp đồng này là 15 tháng tính từ ngày giải ngân thực tế cho Bên B.

## **ĐIỀU 4. LÃI SUẤT, PHÍ, PHẠT VI PHẠM**

Lãi suất, phí, phạt vi phạm Hợp đồng được quy định như sau:

### **1. Lãi suất cho vay trong hạn**

Lãi suất cho vay trong hạn mà Bên B phải trả cho Bên A là 8.5%/năm. Lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian vay tiền kể từ ngày giải ngân thực tế cho Bên B.

### **2. Lãi suất nợ quá hạn**

2.1. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn mà Bên B phải trả cho Bên A là: 150% lãi suất cho vay trong hạn nêu tại Khoản 1 Điều này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả mà Bên B phải trả cho Bên A là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

### **3. Phí trả nợ trước hạn**

Trường hợp Bên B trả nợ trước hạn trước 2/3 thời hạn vay tiền nêu tại Điều 3: Bên B phải trả cho Bên A 5% x số tiền trả nợ trước hạn.

## **ĐIỀU 5. PHÍ DỊCH VỤ HỖ TRỢ**

### **1. Phí khởi tạo khoản vay**

Khi Bên A và Bên B hoàn tất việc ký kết Hợp đồng, Bên C sẽ thu phí khởi tạo khoản vay tính trên số tiền cho vay nêu tại Điều 1, cụ thể như sau:

- Từ Bên A: 0,6 % được thu đều vào mỗi kỳ Bên A trả nợ cho Bên B.
- Từ Bên B: 0.5%. Phí này sẽ được thu thông qua việc khấu trừ một lần vào tổng số tiền vay nêu tại Điều 1 ngay tại thời điểm giải ngân thực tế cho Bên B.

### **2. Phí quản lý khoản vay quá hạn**

Bên B phải trả cho Bên C phí quản lý khoản vay quá hạn như sau:

- Quá hạn dưới 30 ngày, mức phí được tính bằng: 3% x tổng số tiền (gốc quá hạn+lãi quá hạn);
- Quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày, mức phí được tính bằng: 5% x tổng số tiền (gốc quá hạn+lãi quá hạn);
- Quá hạn từ 90 ngày trở lên, mức phí được tính bằng: 10% x tổng số tiền (gốc quá hạn+lãi quá hạn).

### **3. Phí hỗ trợ nhắc nợ trong trường hợp Bên B chậm trả**

- Trong trường hợp Bên B chậm trả tiền vay theo quy định tại Hợp đồng vay tiền, Bên C sẽ hỗ trợ Bên A nhắc nợ và trong trường hợp việc nhắc nợ đạt được kết quả thông qua việc Bên B trả nợ cho Bên A thì Bên A phải trả cho Bên C số tiền phí bằng Tỷ lệ (%) phí \* số tiền Bên B trả.
- Tỷ lệ % phí được quy định như sau:

STT	Thời gian quá hạn	%Phí
1	Quá hạn dưới từ 1 đến 5 ngày	0%
2	Quá hạn từ 6 đến 30 ngày	2%
3	Quá hạn từ 31 đến 60 ngày	4%
4	Quá hạn từ 61 đến 90 ngày	7%
5	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	25%
6	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	35%
7	Quá hạn từ 361 ngày trở lên	50%

## ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

### 1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Bên A có nghĩa vụ chuyển số tiền vay cho Bên B nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này theo cách thức được các Bên thống nhất tại Điều 7 dưới đây.
- Bên A có quyền nhận từ Bên B số tiền vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cũng như nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng này theo cách thức được các Bên thống nhất tại Điều 7 dưới đây.
- Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên C các khoản phí hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng.

### 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bên B có nghĩa vụ trả số tiền vay cho Bên A nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cũng như nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng này theo cách thức được các Bên thống nhất tại Điều 7 dưới đây.
- Bên B có quyền nhận số tiền vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này từ Bên A theo cách thức được các Bên thống nhất tại Điều 7 dưới đây.
- Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên C các khoản phí hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng.

### 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên C

Bên C có nghĩa vụ hỗ trợ Bên A và Bên B thực hiện Hợp đồng này và có quyền được hưởng phí hỗ trợ theo quy định tại Hợp đồng.

## ĐIỀU 7. PHƯƠNG THỨC GIẢI NGÂN/THANH TOÁN SỐ TIỀN CHO VAY

### 1. Ủy quyền của Bên A, Bên B cho Bên C trong quá trình giải ngân số tiền cho vay

#### 1.1. Phạm vi & Thời hạn ủy quyền của Bên A

- Bằng việc kí kết Hợp đồng này:
  - o Bên A chỉ định Bên C và Bên C đồng ý là Người đại diện theo ủy quyền của Bên A trong việc thực hiện nghĩa vụ dân sự chuyển Số tiền vay theo thỏa thuận giữa các Bên như quy định tại Điều 6 Khoản 1 nêu trên trong Hợp đồng này tới tài khoản mà Bên B đã đăng ký trên Momy;
  - o Việc Bên A chỉ định Bên C thực hiện công việc nêu trên không đồng nghĩa hoặc nhằm mục đích làm phát sinh thêm dịch vụ và/hoặc ngành nghề hoạt động kinh doanh của Bên C theo bất kỳ cách hiểu hay giải thích nào và do đó, Bên C không được hưởng thêm bất kỳ chi phí hay bất kỳ lợi ích nào phát sinh từ việc chuyển số tiền này.
  - o Bên A đồng ý rằng Bên C có quyền tái ủy quyền cho Bên cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện công việc nêu trên trong trường hợp cần thiết.
- Nội dung ủy quyền nêu trên có hiệu lực kể từ khi Bên A kí kết Hợp đồng này và sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi Bên C hoặc Bên cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán theo ủy quyền của Bên C chuyển khoản thành công số tiền vay tới tài khoản do Bên B đã đăng ký trên Momy.

#### 1.2. Phạm vi & Thời hạn ủy quyền của Bên B

- Bằng việc kí kết Hợp đồng này:
  - o Bên B chỉ định Bên C và Bên C đồng ý là Người đại diện theo ủy quyền của Bên B trong việc thực hiện nghĩa vụ dân sự chuyển trả cho Bên A số tiền vay quy định tại Điều 1 nêu trên cũng như tiền nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng này vào tài khoản Bên A đã đăng ký trên Momy;

o Việc Bên B chỉ định Bên C thực hiện công việc trên không đồng nghĩa hoặc nhằm mục đích làm phát sinh thêm dịch vụ và/hoặc ngành nghề hoạt động kinh doanh của Bên C theo bất kỳ cách hiểu hay giải thích nào và do đó, Bên C không được hưởng thêm bất kỳ chi phí hay bất kỳ lợi ích nào phát sinh từ việc chuyển tiền này.

o Bên B đồng ý rằng Bên C có quyền tái ủy quyền cho Bên cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện công việc trên trong trường hợp cần thiết.

- Nội dung ủy quyền nêu trên có hiệu lực kể từ khi Bên B ký kết Hợp đồng này, không phụ thuộc vào thời hạn vay tiền và chỉ chấm dứt hiệu lực khi Bên B trả nợ xong cho Bên A toàn bộ số tiền vay, nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng này.

## **2. Phương thức giải ngân, trả nợ**

### **2.1. Giải ngân**

- Sau khi Bên A lựa chọn khoản vay và chuyển số tiền vay vào tài khoản của Bên C chỉ định theo ủy quyền nêu tại Điều 7 của Hợp đồng, Bên C hoặc Bên trung gian thanh toán được Bên C tái ủy quyền sẽ chuyển số tiền vay nêu trên vào tài khoản của Bên B đã đăng ký trên Momy.

- Trong mọi trường hợp, trách nhiệm chuyển số tiền vay của Bên A chỉ được coi là hoàn thành tại thời điểm khi số tiền vay được ghi có vào tài khoản của Bên C.

### **2.2. Trả nợ**

#### **2.2.1. Nguyên tắc chung**

- Định kỳ, Bên B chuyển trả vào tài khoản của Bên C số tiền vay, nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) theo quy định tại Lịch trả nợ nêu tại Điều 8 của Hợp đồng này. Sau khi đã nhận được tiền từ Bên B, Bên C hoặc Bên trung gian thanh toán được Bên C tái ủy quyền sẽ chuyển số tiền này vào tài khoản của Bên A sau khi đã trừ đi các khoản phí mà Bên A phải trả cho Bên C theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

- Bên B có quyền trả nợ trước hạn và hoàn tất các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng bất kỳ lúc nào. Trong trường hợp này, Bên B phải thực hiện trách nhiệm pháp lý phù hợp với thủ tục được quy định tại Hợp đồng bằng cách hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền vay, nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) theo Hợp đồng này.

- Trong mọi trường hợp, trách nhiệm thanh toán của Bên B chỉ được coi là hoàn thành tại thời điểm khi số tiền phải trả được ghi có vào tài khoản của Bên C.

#### **2.2.2. Thứ tự ưu tiên trả nợ**

Số tiền trả nợ từ Bên B được ưu tiên thanh toán theo thứ tự sau: Nợ gốc, nợ lãi, phí, phí phạt (nếu có) trên nguyên tắc thu từ kỳ thanh toán quá hạn xa nhất

## **ĐIỀU 8. LỊCH TRẢ NỢ**

Bằng việc ký kết hợp đồng này, Bên C được Bên A và Bên B chỉ định thực hiện tính toán số tiền gốc, lãi, phí, phí phạt (nếu có) theo đúng quy định của Hợp đồng này. Theo đó, Bên B cam kết và có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho Bên A theo Lịch trả nợ dưới đây:

## **ĐIỀU 9. TÍNH THỐNG NHẤT VỚI BẢN ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VAY**

Các nội dung tại bản “Điều khoản và điều kiện vay” cũng như các Phụ lục Hợp đồng (nếu có) là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các Bên đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các quy định tại phần bản “Điều khoản và điều kiện vay”, Phụ lục Hợp đồng cũng như các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

## **ĐIỀU 10. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

1. Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
2. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay tiền được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa các Bên. Trường hợp không thương lượng được, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 11. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi Bên B trả nợ xong nợ gốc, lãi và phí, phạt vi phạm Hợp đồng (nếu có) của toàn bộ những khoản vay đã phát sinh từ Hợp đồng này, khi đó Hợp đồng này coi như được thanh lý;
2. Hợp đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên;
3. Các văn bản số, tài liệu số hợp pháp mà các bên giao dịch trên Mony liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các văn bản, tài liệu này cùng với Hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền.
4. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được các Bên thoả thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký.
5. Trong trường hợp do có sự thay đổi về quy định pháp luật mà quy định đó làm một hoặc một số nội dung của Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Các Bên ngay lập tức có trách nhiệm cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu ... một cách phù hợp để đảm bảo việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Bên C gửi thông báo tới Bên A và Bên B về việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi các nội dung nêu trên, trường hợp Bên C không nhận được phản hồi từ Bên A và/hoặc Bên B và/hoặc cả Bên A, Bên B về các nội dung trong thông báo thì các đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay đổi kèm theo thông báo của Bên C mặc nhiên được Bên A và Bên B chấp nhận, đồng ý thực hiện và được coi là một Phụ lục Hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc các Bên thực hiện và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
6. Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện vay được lập dưới hình thức Hợp đồng điện tử, được ký theo hình thức điện tử và có giá trị pháp lý như theo quy định pháp luật Việt Nam. Bên A và Bên B mỗi bên đều giữ 01 bản Hợp đồng điện tử được lưu giữ trên Mony. Bên C giữ 01 bản lưu tại máy chủ của mình.
7. Các Bên xác nhận rằng đã đọc, hiểu, đồng ý và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện vay, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.